TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ V** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 105/2019/HS-ST
Ngày 10 tháng 9 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mầu Văn Mùi

Các Hội thẩm Nhân dân: Ông Phạm Xuân Thọ và ông Bùi Thanh Bình

Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Phương Thao - Thư ký Toà án Nhân dân thành phố V

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố V tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019, tại Nhà văn hóa tổ dân phố Đông Hưng, phường Đồng Tâm, thành phố V. Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 95/2019/HS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 105/2019/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2019, đối với bị cáo:

Nguyễn Tiến K, sinh ngày 04/4/1975 tại Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn XD, xã TK, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tiến D và bà Trần Thị V; có vợ là Nguyễn Thị N và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 220/XPHC ngày 11/9/2013, Công an huyện Bình Xuyên xử phạt 1.500.000đ về hành vi "Đánh bạc" (đã nộp ngày 11/9/2013); bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Trần Thị Lan H, sinh năm 1980; nơi cư trú: Khu hành chính số 3, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

- Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn XD, xã TK, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 35 phút, ngày 23/4/2019, tại khu hành chính số 3, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, Tổ công tác Công an phường Đ, thành phố V phát hiện và lập biên bản sự việc quả tang Nguyễn Tiến K có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Tang vật thu giữ gồm có: Thu trong túi quần bên trái phía trước K đang mặc 03 gói giấy nhỏ bên trong có chứa chất cục, bột màu trắng (K khai nhận là ma túy heroin vừa mua với giá 600.000đ để sử dụng), vật chứng được niêm phong có ký hiệu A1; thu giữ của K 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda BKS: 88G1-361.74.

Tại bản kết luận giám định số: 700/KLGĐ ngày 26/4/2019, Phòng Kỹ hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: "*Chất bột, cục màu trắng của mẫu ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy lẫn tạp chất, loại Heroine. Khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,6357g. Khối lượng Heroine trong 0,6357 gam mẫu là 0,2080g*".

Về nguồn gốc số ma túy đã thu giữ, Nguyễn Tiến K khai nhận: Do có nhu cầu sử dụng ma túy cho bản thân, khoảng 07 giờ 30 phút ngày 23/4/2019, K một mình điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 88G1 - 361.74 đi từ nhà đến địa bàn thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc để tìm mua ma túy. K đi đến 01 ngõ nhỏ trên đường ĐV, phường Đ, thành phố V (cách cổng trường Tiểu học KN khoảng 100m) đến trước cửa 01 phòng trọ đóng kín cửa bằng sắt. Tại đây, K gõ cửa và đưa qua khe cửa số tiền 600.000đ. Sau đó từ bên trong cánh cửa có một người đưa qua khe cửa 03 gói ma túy cho K (K không biết giới tính, đặc điểm, nhân thân lai lịch của người này). Sau khi mua được ma túy, K cất giấu ở túi quần bên trái đang mặc rồi điều khiển xe máy đi về, tìm chỗ để sử dụng. Khi K đi được khoảng 50m thì tổ công tác Công an phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc tiến hành kiểm tra, phát hiện và lập biên bản sự việc quả tang, thu giữ vật chứng như đã nêu trên.

Quá trình xác minh phòng trọ có đặc điểm như K khai báo xác định: Dãy trọ trong đường ĐV, phường Đ, thành phố V là của gia đình ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965, đang sinh sống ở phường N, thành phố V. Cuối năm 2018, ông T cho Trần Thị Lan H, sinh năm 1980, ở khu hành chính 03, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc thuê 01 phòng để ở, H sử dụng nhà làm gì ông T không biết. Cơ quan điều tra đã triệu tập H đến làm việc nhiều lần nhưng H không đến, không lấy được lời khai của H. Chính quyền địa phương xác nhận H không có mặt tại địa phương.

Tại Cáo trạng số: 99/CT-VKSTPVY ngày 09/8/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đã truy tố bị cáo Nguyễn Tiến K về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Tiến K khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị N trình bày tại Cơ quan điều tra xác định chiếc xe máy nhãn hiệu Honda BKS: 88G1-36174 là tài sản của chị mua được từ tiền chị tích cóp được mà có. Tại phiên tòa chị xác định tiền mua xe là do mẹ đẻ chị cho chị và là tài sản riêng của chị. Việc bị cáo K sử dụng xe máy làm phương tiện để mua ma túy chị không biết. Đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho chị N chiếc xe máy nêu trên nhưng chị không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến K từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 0,4340gam ma túy và toàn bộ bao gói ma túy còn lại sau giám định; tịch thu, sung công quỹ Nhà nước ½ giá trị chiếc xe máy nhãn hiệu Honda BKS: 88G1-36174 của Nguyễn Tiến K; trả lại chị Nguyễn Thị N 1/2 giá trị chiếc xe máy nhãn hiệu Honda BKS: 88G1-36174.

Bị cáo không bào chữa và tranh luận gì. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội nêu trên của bị cáo Nguyễn Tiến K tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 08 giờ 35 phút ngày 23/4/2019, tại khu hành chính số 3, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, bị cáo Nguyễn Tiến K đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng thì bị Tổ công tác Công an phường Đ, thành phố V phát hiện và lập biên bản quả tang. Tang vật thu giữ là 03 gói giấy nhỏ bên trong có chứa chất cục, bột màu trắng, được giám định là ma túy lẫn tạp chất, loại Heroine, khối lượng 0,6537gam. Khối lượng Heroine trong 0,6537gam mẫu vật là 0,2080gam.

Hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo Nguyễn Tiến K đã phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự có khung hình phạt tù từ 01 đến 05 năm.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an và an toàn trong xã hội, ảnh hưởng đến nòi giống, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người. Do vậy, cần phải xử lý thật nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo phạm tội theo khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự, có mức cao nhất của khung hình phạt đến 05 năm tù nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm nghiêm trọng.

Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân xấu, đã bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi xâm phạm trật tự công cộng, mặc dù đã hết thời hiệu được coi là chưa bị xử lý hành chính nhưng cũng chứng tỏ bị cáo là đối tượng coi thường pháp luật không biết ăn năn hối cải để hoàn lương. Trong vụ án này, hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý, hiện tại trên địa bàn thành phố V các tội phạm về ma túy có chiều hướng gia tăng, đây là nguyên nhân làm mất ổn định tình hình an ninh chính trị tại địa phương và phát sinh các tội phạm khác trong xã hội. Do đó, việc cho bị cáo được cải tạo tại địa phương sẽ không có tác dụng giáo dục nói chung, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội.

Khi quyết định hình phạt có xem xét đến các tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo đã "Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" và bị cáo có nhân thân là người có công với Nhà nước được tặng thưởng Huân chương kháng chiến để giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 500.000.000đ. Tuy nhiên, bị cáo là người nghiện ma túy, không có tài sản và nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[5] Đối với các người có liên quan Trần Thị Lan H, sinh năm 1980, trú tại khu hành chính 3, phường Đ, Cơ quan điều tra đã triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào có căn cứ sẽ đề cập xử lý sau là đúng pháp luật.

[6] Về vật chứng: Đối với số ma túy và bao gói ma túy hoàn lại sau giám định không có giá trị sử dụng cần tịch thu để tiêu hủy.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda BKS: 88G1-36174 đã thu giữ của bị cáo Nguyễn Tiến K. Quá trình điều tra xác định, đăng ký xe mang tên chị Nguyễn Thị N (vợ của bị cáo K), đây là tài sản chung của bị cáo K và chị N hình thành trong thời gian hôn nhân, việc bị cáo K sử dụng xe máy làm phương tiện để phạm tội chị N không biết. Tại phiên tòa chị N trình bày số tiền mua xe là của mẹ đẻ chị cho riêng chị để mua chiếc xe máy trên nhưng chị N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì thể hiện việc tặng cho riêng. Do đó, xác định chiếc xe máy nhãn hiệu

Honda BKS: 88G1-36174 là tài sản chung của bị cáo và chị N là phù hợp nên cần tịch thu, sung quỹ Nhà nước 1/2 giá trị chiếc xe, còn 1/2 giá trị chiếc xe máy được trả lại cho chị N theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Về các vấn đề khác: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến K 02 (hai) năm tù về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*"; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2. Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu, tiêu hủy 0,4340 gam ma túy và bao gói ma túy hoàn lại sau giám định; tịch thu, sung công quỹ Nhà nước ½ giá trị chiếc xe máy nhãn hiệu Honda BKS: 88G1-36174; trả lại chị Nguyễn Thị N ½ giá trị chiếc xe máy nhãn hiệu Honda BKS: 88G1-36174 (Đặc điểm tang vật như Biên bản bàn giao vật chứng ngày 04/9/2019).

3. Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Tiến K phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND TP V;
- Công an TP V;
- Trại tạm giam - CA Vĩnh Phúc;
- Chi cục THADS TP V;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Mầu Văn Mùi